

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

BÁO CÁO

ĐẾN Số: 5084
Ngày: 28/5/2019
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

**Tình hình thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm
và kế hoạch cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2019**

Căn cứ Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2019.

Căn cứ Kế hoạch số 09/KH-SNN ngày 21/01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hiện cải cách hành chính năm 2019.

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019.

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo điều hành CCHC

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về CCHC của tỉnh

a. Các nhiệm vụ được giao (tại Kế hoạch số 128/KH-UBND giao cho các sở, ngành chủ trì)

Nhiệm vụ 1: Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Nhiệm vụ 2: Sắp xếp tổ chức và ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

Nhiệm vụ 3: Tiếp tục triển khai đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP và Nghị định 88/2017/NĐ-CP.

Nhiệm vụ 4: Triển khai thực hiện Bản Cam kết cải cách thủ tục hành chính đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

b. Báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao

Nhiệm vụ 1: Căn cứ Công văn số 31/UBND-TH ngày 05/01/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh kỳ họp thứ 13, Sở Nông nghiệp và PTNT được giao tham mưu trình 02 Nghị quyết. Hiện Sở Nông nghiệp và PTNT đã trình UBND tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nhiệm vụ 2: Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng Đề án số 02/ĐA-SNN ngày 23/10/2018 Sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, gửi Sở Nội vụ. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh đang đợi hướng dẫn của Trung ương.

Nhiệm vụ 3: Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP và Nghị định 88/2017/NĐ-CP. Đối với năm 2019 sẽ thực hiện vào cuối năm 2019.

Nhiệm vụ 4: Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung Bản Cam kết cải cách thủ tục hành chính đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

2. Kết quả thực hiện công tác CCHC tại Sở Nông nghiệp và PTNT

a. Các văn bản, kế hoạch đã ban hành:

- Kế hoạch số 03/KH-SNN ngày 08/01/2019 triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và PTNT Sóc Trăng năm 2019, gồm 18 nhiệm vụ.

- Kế hoạch số 09/KH-SNN ngày 21/01/2019 về thực hiện cải cách hành chính năm 2019 để tổ chức thực hiện, gồm có 19 nhiệm vụ.

- Kế hoạch số 11/KH-SNN ngày 24/01/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT Sóc Trăng.

- Kế hoạch số 32/KH-SNN ngày 27/02/2019 về Thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2019.

- Kế hoạch số 33/KH-SNN ngày 27/02/2019 về Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019 để tổ chức thực hiện, gồm 11 nội dung (kể cả nội dung thành phần).

- Kế hoạch số 36/KH-SNN ngày 07/3/2019 về Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019.

- Báo cáo số 537/BC-SNN ngày 27/12/2018 Kết quả triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 năm 2018 và Kế hoạch thực hiện năm 2019.

- Công văn số 232/SNN-VP ngày 18/02/2019 về việc triển khai thực hiện các tiêu chí để nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của Sở.

- Công văn số 252/SNN-VP ngày 19/02/2019 về việc triển khai, phổ biến kế hoạch cải cách hành chính của UBND tỉnh Sóc Trăng, năm 2019.

- Kế hoạch số 49/KH-SNN, ngày 08/4/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng về kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và công tác nội vụ, đề án văn hóa công vụ, năm 2019.

- Công văn số 679/SNN-VP ngày 11/4/2019 về việc phân tích kết quả Chỉ số CCHC năm 2018 tại Sở Nông nghiệp và PTNT.

b. Kết quả thực hiện

- Kế hoạch số 03/KH-SNN: Đã ban hành KH số 11/KH-SNN ngày 24/01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về rà soát, đánh giá TTHC năm 2019; lồng ghép công tác kiểm tra các hoạt động kiểm soát TTHC vào Kế hoạch số 49/KH-SNN về kiểm tra công tác CCHC, tình hình thi hành pháp luật, và công tác nội vụ, đề án văn hóa công vụ, năm 2019. Kiện toàn hệ thống cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, tiếp nhận, xử lý TTHC tại Sở, đơn vị trực thuộc và Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Kế hoạch số 09/KH-SNN: Đã và đang triển khai thực hiện 11/KH 19 nhiệm vụ đề ra, gồm Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của ngành trong năm 2019; đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-SNN Thực hiện công tác theo

đổi thi hành pháp luật; Kế hoạch số 03/KH-SNN về kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 11/KH-SNN về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019; Kế hoạch số 36/KH-SNN ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019; Kế hoạch duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; xây dựng kế hoạch số 09/KH-SNN Thực hiện CCHC năm 2019; Kế hoạch 33/KH-SNN tuyên truyền CCHC năm 2019; Kế hoạch số 49/KH-SNN về kiểm tra công tác CCHC, tình hình thi hành pháp luật, và công tác nội vụ, đề án văn hóa công vụ, năm 2019.

- Kế hoạch số 11/KH-SNN: Đang hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá 02 TTHC lĩnh vực thú y theo kế hoạch.

- Kế hoạch số 32/KH-SNN: Đã ban hành Kế hoạch số 49/KH-SNN về kiểm tra công tác CCHC, tình hình thi hành pháp luật, và công tác nội vụ, đề án văn hóa công vụ, năm 2019 để tổ chức thực hiện.

- Kế hoạch số 33/KH-SNN: Đã và đang thực hiện 06/11 nội dung, gồm phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của tỉnh đến CCVC; tuyên truyền các Kế hoạch của tỉnh và của Sở đến CCVC và đăng tải lên cổng thông tin; tuyên truyền về quyết định của UBND tỉnh về công bố chỉ số CCHC năm 2018; kết quả thực hiện của Sở về các nội dung Bản cam kết; các văn bản chỉ đạo, nội dung và kế hoạch khác của trung ương và của tỉnh; và cập nhật đầy đủ các quyết định công bố thủ tục hành chính lên cổng thông tin và lên Chương trình Một cửa điện tử.

- Kế hoạch số 36/KH-SNN: Đã và đang triển khai thực hiện 06/06 nội dung Kế hoạch đề ra.

- Báo cáo số 537/BC-SNN: Đã ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2019, Kế hoạch đánh giá nội bộ năm 2019, công bố lại hệ thống do có sự thay đổi thủ tục hành chính, tiếp tục triển khai thực hiện các quy trình đã ban hành.

- Các Kế hoạch còn lại đang tổ chức thực hiện.

II. Kết quả chủ yếu đạt được

1. Kết quả thực hiện CCHC của tỉnh

Phối hợp với các Sở ngành của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh thuộc lĩnh vực ngành Nông nghiệp và PTNT.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở.

a. Báo cáo thông tin

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Lương Minh Quyết	Giám đốc	ĐT: 0913.109.553 Email: lmquyet@soctrang.gov.vn
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Lê Thị Kim Nhung	Phó Chánh Văn phòng	ĐT: 0946.155.778 Email: ltknhung@socstrang.gov.vn
3	Công chức phụ	Lâm Nhu An	Công chức	ĐT: 0937.660.993

	trách tham mưu CNTT		Văn phòng	Email: lnan2@soctrang.gov.vn
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1. Võ Hoàng Đan 2. Hồ Thị Kim Thanh	Chi cục Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thú y	ĐT: 0947.617.495 Email: vhdan@soctrang.gov.vn ĐT: 0909.186.802

b. Tóm tắt kết quả nổi bật

b.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Công văn số 31/UBND-TH ngày 05/01/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh kỳ họp thứ 13, Sở Nông nghiệp và PTNT được giao tham mưu trình 02 Nghị quyết: Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, và Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2023. Đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã trình UBND tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-SNN ngày triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và PTNT Sóc Trăng năm 2019; Kế hoạch số 11/KH-SNN ngày 24/01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về rà soát, đánh giá TTHC năm 2019, và đang triển khai thực hiện theo Kế hoạch.

- Đã tham mưu trình UBND tỉnh công bố 15 Quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, trong đó ban hành mới 29 thủ tục, sửa đổi 19 thủ tục, và hủy bỏ 27 thủ tục (Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, số 66/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, số 205/QĐ-UBND ngày 24/01/2019, số 206/QĐ-UBND ngày 24/01/2019, số 430/QĐ-UBND ngày 21/02/2019, số 491/QĐ-UBND ngày 27/02/2019, số 790/QĐ-UBND ngày 18/3/2019, số 865/QĐ-UBND ngày 22/3/2019, số 892/QĐ-UBND ngày 26/3/2019, số 1000/QĐ-UBND ngày 04/4/2019, số 1110/QĐ-UBND ngày 17/4/2019, số 1111/QĐ-UBND ngày 17/4/2019, số 1376/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, số 1438/QĐ-UBND ngày 24/5/2019, và số 1439/QĐ-UBND ngày 24/5/2019). Tổng số TTHC hiện có là 98, đã niêm yết công khai và đăng lên công thông tin, chương trình một cửa điện tử của tỉnh. Ngoài ra, còn tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 bãi bỏ 02 TTHC áp dụng trên địa bàn cấp xã.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 102 quy trình nội bộ (hiện còn 98 quy trình) giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT (Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 02/5/2019); và trình UBND tỉnh xem xét ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp huyện và cấp xã.

b.3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Quyết định ban hành Quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Cảng cá Trần Đề tỉnh Sóc Trăng (*Quyết định số 47/QĐ-SNN ngày 14/02/2019*).

- Xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức, bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (*Đề án số 02/ĐA-SNN ngày 23/10/2018*, đã trình cơ quan thẩm quyền đang chờ phê duyệt; Xây dựng Đề án Thành lập Trung tâm Giống nông nghiệp, trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Giống vật nuôi và Trung tâm Giống cây trồng, đề án đã trình và được cơ quan liên quan góp ý, đơn vị đang hoàn chỉnh đề án.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành văn bản hướng dẫn nhiệm vụ của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện ở lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Khuyến nông (*Công văn số 2519/SNN-TCCB ngày 05/12/2018*).

- Trình UBND tỉnh thành lập Tổ xây dựng Dự án phát triển thủy sản bền vững (SFID) tỉnh Sóc Trăng (*Tờ trình số 92/TTr-SNN ngày 07/5/2019*), được UBND tỉnh Quyết định thành lập (*Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 13/5/2019*).

b.4. Thực hiện phân cấp quản lý:

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 về việc phân công quản lý nhà nước đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Quyết định 891/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh.

b.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

- Xây dựng Đề án tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức ngành Nông nghiệp “của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, viên chức của Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật” (*Đề án số 48/ĐA-SNN ngày 5/4/2019*). Đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án (*Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 22/4/2019*), đơn vị đang thực hiện hiện các bước tiếp theo dự kiến tổ chức xét thăng hạng vào tháng 6/2019.

- Cơ quan thẩm quyền bổ nhiệm công chức ngạch cán sự lên chuyên viên 11 đồng chí, Kiểm lâm viên 6 đồng chí và có 8 đồng chí trúng tuyển từ ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính.

- Chuyển từ viên chức sang công chức 2 đồng chí, tiếp nhận mới 2 đồng chí.

- Cử dự tuyển thạc sỹ 6 người, cử 34 lượt CBCC, VC dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Phê duyệt Danh sách nhân viên thú y (*Quyết định số 1124/QĐ-SNN ngày 13/12/2018*), nhân viên Bảo vệ thực vật (*Quyết định số 07/QĐ-SNN ngày 8/1/2019*), nhân viên Khuyến nông (*Quyết định số 06/QĐ-SNN ngày 8/1/2019*) cấp xã năm 2019.

- Rà soát quy hoạch cán bộ công chức giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026.

b.6. Cải cách tài chính công

Cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 117/2013/NĐ-CP.

Các đơn vị sự nghiệp tiếp tục thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016 của Chính phủ.

b.7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

- Xây dựng Kế hoạch số 36/KH-SNN ngày 07/3/2019 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở nông nghiệp và PTNT năm 2019 để triển khai thực hiện.

- Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 tại cơ quan Sở và 07 chi cục quản lý nhà nước trực thuộc. Đã ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2019, kế hoạch đánh giá nội bộ năm 2019, công bố lại hệ thống do có sự thay đổi TTHC và thực hiện theo các quy trình đã ban hành.

b.8. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT hiện có 98, trong đó 94 TTHC được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, 03 TTHC lĩnh vực thú y được tiếp nhận tại các trạm kiểm dịch, và 01 TTHC (Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác) được tiếp nhận tại Cảng cá Trần Đề. Sở Nông nghiệp và PTNT đã cử 02 công chức, viên chức sang làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ báo cáo là 3.660 hồ sơ. Kết quả đã giải quyết TTHC: Số hồ sơ đã giải quyết 3.630 hồ sơ (trong đó: số hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn: 3.630 hồ sơ, trễ hạn 0 hồ sơ); số hồ sơ đang giải quyết: 30 hồ sơ (còn trong hạn). Trong đó có 29 hồ sơ đơn vị nhận hồ sơ, Bưu điện trả kết quả; và 10 hồ sơ Bưu điện nhận hồ sơ, đơn vị trả kết quả; chưa phát sinh hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3. Tuy nhiên, có 04 hồ sơ thể hiện trễ hẹn trên phần mềm một cửa điện tử, do việc cập nhật trên phần mềm không kịp thời (03 hồ sơ tiếp nhận tại Ban Quản lý Cảng cá Trần Đề, và 01 hồ sơ do Chi cục Trồng trọt và BVTV giải quyết).

b.9. Tình hình thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 71/KH-SNN ngày 25/11/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục lồng ghép việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 và Chỉ thị số 26/CT-TTg trong việc đăng ký chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với Đảng viên và toàn thể đoàn viên công đoàn, trong năm 2019.

- Tiếp tục ban hành các mục tiêu chất lượng năm 2019 theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2015 với mục tiêu thực hiện tốt 02 Chỉ thị trên và Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 18/9/2017 của UBND tỉnh.

- Ban hành Công văn số 624/SNN-VP ngày 05/4/2019 về triển khai thực hiện Công văn số 598/UBND-TH ngày 03/4/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai thực hiện Đề án văn hóa công vụ; đồng thời, lồng ghép kiểm tra việc thực hiện Đề án trong việc kiểm tra cải cách hành chính.

- Thường xuyên nhắc nhở lãnh đạo đơn vị, phòng chức năng trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, Ngày tuyên truyền phổ biến pháp luật, họp định kỳ tháng, quý, họp chi bộ trong việc chỉ đạo, kiểm tra công chức, viên chức trong việc chấp hành nghiêm 02 Chỉ thị nêu trên và trong việc thực hiện tốt, kịp thời các văn bản kết luận, chỉ đạo, các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

- Trong kỳ không có phát sinh phản ánh, kiến nghị liên quan đến công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính, cũng như giải quyết công việc của Sở. Công chức, viên chức bộ phận một cửa hướng dẫn tận tình, chu đáo cho các cá nhân đến thực hiện TTHC.

3. Đánh giá tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm

a) Mặt làm được

- Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành đầy đủ các kế hoạch để triển khai thực hiện. Đến nay, việc thực hiện các kế hoạch cơ bản đạt tiến độ đề ra.

- Đã và đang tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng các Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thông qua trong kỳ họp sắp tới.

- Đã tham mưu trình UBND tỉnh công bố kịp thời các TTHC, quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo yêu cầu. Đăng tải đầy đủ lên Chương trình một cửa điện tử, cổng thông tin điện tử của Sở.

- Phổ biến, tuyên truyền đầy đủ các văn bản, quyết định, kế hoạch về CCHC của tỉnh, Sở đến công chức, viên chức của ngành.

b) Một số hạn chế, khó khăn

- Chưa có các mô hình, cách làm hay về CCHC. Việc viết các tin, bài về CCHC đăng lên cổng thông tin của tỉnh, của Sở còn hạn chế.

- Việc gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích còn thấp, chưa phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3, chưa thực hiện ở mức độ 4.

IV. Phương hướng công tác 6 tháng cuối năm 2019:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền về cải cách hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2019, Kế hoạch tuyên truyền CCHC và Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra tình hình theo dõi thi hành pháp luật và công tác nội vụ, thực hiện Đề án công vụ, năm 2019 theo kế hoạch đề ra.

- Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành, các kế hoạch, quyết định về cải cách hành chính của tỉnh, Sở đến đơn vị, công chức, viên chức của ngành.

2. Thực hiện công tác CCHC

2.1. Về cải cách thể chế:

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua 02 Nghị quyết trong kỳ họp lần thứ 13 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của ngành; tổ chức thực hiện đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành.

2.2. Công tác cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục công tác rà soát thủ tục hành chính, trình UBND tỉnh công bố, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính.

- Thực hiện tốt Bản cam kết trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Sóc Trăng từ nay đến năm 2020.

- Trình UBND tỉnh ban hành các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp huyện và xã.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay.

- Đang thực hiện công tác phối hợp Sở Nội vụ, Sở tài chính, UBND huyện Châu Thành, tổ chức bàn giao nguyên trạng về tổ chức nhân sự, tài sản, tài chính của Trạm Chăn nuôi và Thú y thuộc Chi cục Chăn nuôi và thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV thuộc Chi cục Trồng trọt và BVTV, Trạm Khuyến nông thuộc Trung tâm Khuyến nông đóng tại huyện Châu Thành, bàn giao về cho UBND huyện Châu Thành quản lý để thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Châu Thành.

- Về phân cấp quản lý: Xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc phân cấp quản lý trên địa bàn cấp huyện, và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, viên chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019.

2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của ngành

- Cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, chính trị theo quy hoạch và đề nghị của các đơn vị.

- Điều chỉnh bổ sung, kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2019. Thực hiện các hồ sơ tinh giản biên chế;

- Nâng lương thường xuyên cho đối tượng đến hạn, chính sách liên quan đến công chức, viên chức.

2.5. Về cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 117/2013/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ tại cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc.

2.6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

Thực hiện các nội dung Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 của Sở.

Thực hiện tốt việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đặc biệt là trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn. Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện năm 2019 và xây dựng kế hoạch năm 2020.

2.7. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Dịch vụ hành chính công của tỉnh, đảm bảo việc giải quyết TTHC đúng thời gian và cập nhật đầy đủ lên Chương trình một cửa điện tử.

2.8. Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND

- Thường xuyên nhắc nhở lãnh đạo đơn vị, phòng chức năng trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, ngày tuyên truyền phổ biến pháp luật, họp định kỳ tháng, quý, họp chi bộ trong việc chỉ đạo, kiểm tra công chức, viên chức trong việc chấp hành nghiêm 02 Chỉ thị nêu trên và trong việc thực hiện tốt, kịp thời các văn bản kết luận, chỉ đạo, các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

- Nhắc nhở công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính hướng dẫn tận tình, chu đáo cho các cá nhân đến thực hiện TTHC, giải quyết trước và đúng hạn, nhằm mang đến sự hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng. /.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- BGD (để b/c);
- Các ĐV, phòng CN;
- Lưu: VT, VP.



Huỳnh Ngọc Vân



Biểu mẫu 1B

Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Sở Nông nghiệp và PTNT

(Kèm theo Báo cáo số 198 /BC-SNN, ngày 28 / 5 /2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/ cấp huyện			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0	19			
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	11			
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015	0	7			
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	19			
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0	19			



Biểu mẫu 2B

Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số 198 /BC-SNN, ngày 28 / 5 /2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	<i>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND</i>		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	0	
2	<i>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</i>		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	<i>Rà soát VBQPPL</i>		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	0	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	0	
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	



Biểu mẫu 3B

Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

(Kèm theo Báo cáo số 198/BC-SNN, ngày 28/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	- KH số 11/KH-SNN ngày 24/01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về rà soát, đánh giá TTHC. - KH số 03/KH-SNN ngày 08/01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC ²	98	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ³	98	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Không	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Không	

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

³ UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn



Biểu mẫu 4B

Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT
 (Kèm theo Báo cáo số 198 /BC-SNN, ngày 28 / 5 /2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông dọc ⁵	
1	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh	98	40	40		98	0			
1	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	9	2	2		9				
2	Lĩnh vực Nông nghiệp	4	4	4		4				60/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, 205/QĐ-UBND ngày 24/01/2019
3	Lĩnh vực chăn nuôi	0				0				Bãi bỏ theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 17/5/2019
4	Lĩnh vực trồng trọt	3	3	3		3				1000/QĐ-UBND ngày 04/4/2019
5	Lĩnh vực thú y	18				18				

⁴ Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

⁵ Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông dọc ⁵	
6	Lĩnh vực thủy lợi	16	16	16		16			430/QĐ-UBND ngày 21/02/2019	
7	Lĩnh vực lâm nghiệp	21	1	1		21			1438/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 và 1439/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	
8	Lĩnh vực thủy sản	15	7	7		15			491/QĐ-UBND ngày 27/02/2019, 1110/QĐ-UBND ngày 17/4/2019, 1111/QĐ-UBND ngày 17/4/2019, 1438/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	
9	Lĩnh vực quản lý chất lượng NLS&TS	5	5	5		5			66/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, 892/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	
10	Lĩnh vực Phát triển nông thôn	5				5				
11	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT	2	2	2		2			790/QĐ-UBND ngày 18/3/2019	





Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp

(Kèm theo Báo cáo số 198 /BC-SNN, ngày 28 / 5 /2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn ⁶	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ⁷	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
1	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	3660	0	3660	3630	3630	0	30	30	0	

⁶ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

⁷ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn



Biểu mẫu 6B

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Sở Nông nghiệp và PTNT

(Kèm theo Báo cáo số 198 /BC-SNN, ngày 28 / 5 /2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc ⁸		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁹		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ¹⁰		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹¹			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹²					
I	Cộng	101		38		38		144		14		453	-2	1		
1	Cơ quan Sở NN-PTNT	6	0	4	0	4		14	0	14		45	-2	1		
2	12 đơn vị trực thuộc	95		34		34		130				408				

⁸ Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

⁹ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹⁰ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹¹ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

¹² Nêu rõ thiếu chuẩn nào



Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về CBCCVC tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện

(Kèm theo Báo cáo số 198/BC-SNN, ngày 28/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng ¹³ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC ¹⁴	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyển môn		Đào tạo ¹⁵	Bồi dưỡng nghiệp vụ ¹⁶	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ¹⁷	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ¹⁸		TX ¹⁹	TH ²⁰
I	Sở Nông nghiệp và PTNT	453	40	453				20	0	0	0	0	0	0	8	60	
II	UBND cấp huyện																
III	UBND cấp xã ²¹																

¹³ Thông kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

¹⁴ Thông kê chi tiết tại đây

¹⁵ Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

¹⁶ Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

¹⁷ Thông kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

¹⁸ Thông kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

¹⁹ Thường xuyên

²⁰ Trước hạn

²¹ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biểu mẫu 8B

Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại các đơn vị, địa phương

(Kèm theo Báo cáo số 198 /BC-SNN, ngày 28 / 5 /2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	9	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	3	Đã trình Đề án, nhưng chưa được phê duyệt
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức		
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức		
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	2	Tự chủ về tài chính



Biểu mẫu 9B

Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại sở ngành, UBND cấp huyện
 (Kèm theo Báo cáo số 198/BC-SNN, ngày 28/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	9		Cơ quan Sở, 07 Chi cục, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	2		Trung tâm Nước sạch và VSMTNT, Ban Quản lý Cảng cá Trần Đề
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	2		Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Giống vật nuôi
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	1		Trung tâm Khuyến nông



Biểu mẫu 10B

Thông kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện

(Kèm theo Báo cáo số 198/BC-SNN, ngày 28/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú		
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận				
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử	Tổng số		Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC
I	Sở NN-PTNT	1858			1858	25	597	587	10				
II	UBND cấp huyện												
III	UBND cấp xã ²²												
Tổng		1858			1858	25	597	587	10				

²² UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



Biểu mẫu 11B

Phiên bản Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại các đơn vị, địa phương

(Kèm theo Báo cáo số 198/BC-SNN, ngày 28/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Sở NN-PTNT</i>	55	03	07	
<i>II</i>	<i>UBND cấp huyện</i>				
<i>III</i>	<i>UBND cấp xã²³</i>				
Tổng (I) + (II) + (III)					

²³ UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



Biểu mẫu 13B

Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở, ngành. UBND cấp huyện

(Kèm theo Báo cáo số 198 /BC-SNN, ngày 28 / 5 /2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Không	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Không	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác		



Biểu mẫu 14

Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo
(Kèm theo Báo cáo số 198 /BC-SNN, ngày 23 / 5 /2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú ²⁴
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết ²⁵			
I	Cấp tỉnh	01		01			
II	Cấp huyện						
III	Cấp xã ²⁶						

²⁴ Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

²⁵ Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp

²⁶ Cấp huyện báo cáo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn